

Số: 2511 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 03 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Công Thương Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các
nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ
Tu Pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình
hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số ~~1634~~ ngày
~~11~~ /4/2017; ý kiến của Sở Tư pháp tại công văn số 235/STP-KSTTHC ngày
16/02/2017 và công văn số 545/STP-KSTTHC ngày 28/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính mới trong
lĩnh vực Quản lý giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương Hà Nội
(Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở:
Công Thương, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố và các tổ
chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- VP UBND TP; Các PVP P.C, Công, T.V, Dũng;
- Các phòng: NC, KT, TKBT, TH;
- Trung tâm tin học công báo;
- Lưu: VT, NC(B).

CHỦ TỊCH 

Nguyễn Đức Chung

(60) 15726

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2511 /QĐ-UBND
ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

PHẦN I. DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Quản lý giá	
Thủ tục hành chính cấp Sở:	
1	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu xác định giá tối đa đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi <i>(trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá)</i>
2	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi <i>(trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá)</i>
3	Tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế thuộc các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

1. Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu xác định giá tối đa đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá).

a- Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội gửi 02 bộ hồ sơ xác định giá tối đa đến Sở Công Thương.

- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện để yêu cầu giải trình (nếu cần).

* Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương tiếp nhận Biểu xác định giá tối đa, nếu không có ý kiến yêu cầu giải trình thì tổ chức, cá nhân căn cứ Biểu xác định giá tối đa đã gửi, công bố công khai, thông báo cho các tổ chức, cá nhân ở các khâu tiếp theo và niêm yết công khai để áp dụng theo thời hạn quy định.

Trường hợp Biểu xác định giá bán buôn tối đa có nội dung chưa rõ, bất hợp lý hoặc cần phải giải trình, điều chỉnh, tổ chức, cá nhân thực hiện rà soát, giải trình theo yêu cầu của Sở Công Thương.

Trường hợp giá bán lẻ tối đa đã gửi cao hơn quy định, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình và xác định lại giá bán lẻ tối đa.

Sau 03 lần giải trình nhưng tổ chức, cá nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc không thực hiện giải trình trong 05 ngày làm việc hoặc không thực hiện xác định giá bán buôn tối đa thì tổ chức, cá nhân phải thực hiện mức giá bán buôn, bán lẻ tối đa do Sở Công Thương xác định.

b- Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ xác định giá tối đa: Tổ chức, cá nhân gửi biểu mẫu xác định giá tối đa đến Sở Công Thương theo 1 trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp 02 bộ hồ sơ xác định giá tối đa tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính của Sở tại số 331 Cầu Giấy- Cầu Giấy- Hà Nội, nhận kết quả thủ tục hành chính tại bộ phận này.

- Gửi qua đường công văn 02 bộ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân, họ tên và

số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị), nhận kết quả qua đường công văn.

- Gửi qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản scan Biểu mẫu có chữ ký và dấu đỏ theo địa chỉ email: motcua_soct@hanoi.gov.vn hoặc qua fax: 04.62691288 và gọi điện thông báo cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu theo số điện thoại 04.22155546. Đồng thời, gửi 02 bản qua đường công văn cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị) về địa chỉ Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy- Cầu Giấy- Hà Nội; nhận kết quả qua đường công văn.

c- Thành phần hồ sơ, số lượng:

** Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản xác định giá tối đa của tổ chức, cá nhân;
- Bảng đăng ký mức giá bán buôn tối đa (đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa);

- Bảng đăng ký mức giá bán lẻ tối đa (tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu có hệ thống phân phối riêng và có chính sách bán lẻ sản phẩm sữa; tổ chức, cá nhân kinh doanh theo hình thức đại lý bao tiêu, đại lý độc quyền; tổ chức, cá nhân có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá khác)

- Thuyết minh cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá.

** Nhận hồ sơ qua thư điện tử:*

- Gửi hồ sơ biểu mẫu qua thư điện tử gồm
+ Văn bản xác định giá tối đa của tổ chức, cá nhân dạng file *.pdf
+ Đính kèm hồ sơ liên quan dạng file *.pdf;
+ Đính kèm hồ sơ liên quan dạng file *.doc (nếu có).

- Gửi hồ sơ bản giấy qua đường công văn.

** Số lượng hồ sơ: 02 bộ (Theo mẫu biểu đính kèm)*

d- Thời hạn giải quyết

Trả kết quả ngay sau khi nhận hồ sơ có đủ thành phần, số lượng theo quy định.

e- Đối tượng thực hiện TTHC

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội (ngoài các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sữa đã đăng ký giá với Bộ Công Thương)

f- Cơ quan thực hiện TTHC

Sở Công Thương

g- Lệ phí

Không

h- Kết quả của việc thực hiện TTHC

01 Biểu mẫu xác định giá tối đa đã được đóng dấu Công văn đến và ghi rõ ngày, tháng, năm nhận văn bản.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Biểu mẫu xác định giá tối đa theo Công văn số 6230/BTC-QLG ngày 14/5/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Thực hiện trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

l- Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012.
- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.
- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.
- Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.
- Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.
- Công văn số 6544/BTC-QLG ngày 20/5/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện biện pháp bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.
- Công văn số 6230/BTC-QLG ngày 14/5/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

PHỤ LỤC 2:

BIỂU MẪU GIÁ TỐI ĐA

(Kèm theo Công văn số 6230/BTC-QLG ngày 14/5/2015 của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị thực hiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../.....

..., ngày... tháng... năm....

V/v: giá tối đa

Kính gửi: Sở Công Thương Hà Nội

Thực hiện Quyết định số ngày của về việc áp dụng biện pháp bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi;...

Thực hiện Công văn số 6544/BTC-QLG ngày 20/5/2014 và Công văn số 6230/BTC-QLG ngày 14/5/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện biện pháp bình ổn giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

(tên đơn vị) gửi biểu mẫu giá bán buôn/bán lẻ tối đa của...

(tên đơn vị) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, phù hợp của giá các sản phẩm sữa mà chúng tôi đã xác định./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận biểu mẫu giá bán buôn/bán lẻ tối đa, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được bán theo mức giá đăng ký/kê khai.

Tên đơn vị thực hiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

BẢNG MỨC GIÁ BÁN BUÔN TỐI ĐA

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

Doanh nghiệp là đơn vị sản xuất, nhập khẩu thực hiện bán buôn.....

1. Giá bán buôn tối đa của.....Cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá bán buôn hiện hành	Giá bán buôn tối đa	Giá cho nhà phân phối và giá bán lẻ tối đa			
						Nhà phân phối cấp 1	Nhà phân phối cấp n	Giá bán lẻ tối đa

Ghi chú: Giá bán lẻ tối đa cao hơn không quá 15% so với giá bán buôn tối đa của nhà sản xuất, nhập khẩu

2. Giải trình chi tiết về cách tính giá tối đa đối với từng sản phẩm cụ thể:.....

.....

.....

Tên đơn vị thực hiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

BẢNG MỨC GIÁ BÁN LẺ TỐI ĐA

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

Doanh nghiệp là đơn vị bán lẻ.....

1. Giá bán lẻ tối đa của..... Cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Giá bán lẻ trước ngày thực hiện bình ổn giá	Giá bán lẻ tối đa	Ghi chú
1						

2. Giải trình chi tiết về cách tính giá tối đa đối với từng sản phẩm cụ thể:

.....
.....
.....

Tên đơn vị thực hiện
xác định giá tối đa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng nhập khẩu)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Giá vốn nhập khẩu			
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)			
2	Thuế nhập khẩu			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Các khoản thuế, phí khác (nếu có)			
5	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)			
B	Chi phí chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý			
C	Tổng chi phí			
D	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm			
Đ	Lợi nhuận dự kiến			
E	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định			
G	Giá bán dự kiến			

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng: Giải trình rõ đối với chi phí quảng cáo, khuyến mại, hoa hồng
8. Chi phí quản lý
9. Lợi nhuận dự kiến
10. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
11. Giá bán dự kiến

www.LuatVietnam.vn

Tên đơn vị thực hiện
xác định giá tối đa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	<i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>				
b	<i>Chi phí vật liệu</i>				
c	<i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i>				
d	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>				
đ	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>				
e	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>				
	Tổng chi phí sản xuất:				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí tài chính				
	Tổng giá thành toàn bộ				
5	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				

6	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
7	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng: Giải trình rõ đối với chi phí quảng cáo, khuyến mại, hoa hồng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

www.LuatVietnam.vn

2. Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá).

b- Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội gửi 02 bộ hồ sơ đăng ký giá đến Sở Công Thương.

- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện để yêu cầu giải trình (nếu cần).

* Tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá không được áp dụng mức giá đăng ký trong mua, bán hàng hóa trong thời hạn ít nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện đăng ký giá theo quy định hoặc trong thời gian giải trình theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu (quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

* Hết thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, nếu không có văn bản (công văn, fax, thư điện tử) của Sở yêu cầu giải trình về các nội dung của biểu mẫu hoặc yêu cầu không được thực hiện mức giá đăng ký mới thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đã đăng ký và công khai thông tin về mức giá đã đăng ký; công khai, niêm yết trong toàn hệ thống phân phối (nếu có).

Trường hợp nhận hồ sơ qua đường công văn và thư điện tử nếu hồ sơ không đủ thành phần, số lượng: trong thời gian không quá 02 ngày kể từ ngày nhận Biểu mẫu đăng ký giá, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản (công văn, Fax, thư điện tử) yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp bổ sung thành phần, số lượng Biểu mẫu đăng ký giá.

Trường hợp Biểu xác định giá bán buôn tối đa có nội dung chưa rõ cần phải giải trình hoặc không phù hợp; tổ chức, cá nhân giải trình hoặc thực hiện theo yêu cầu của Sở Công Thương.

Sau 03 lần giải trình nhưng tổ chức, cá nhân chưa đáp ứng được yêu cầu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo mức giá trước khi thực hiện đăng ký giá.

b- Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ đăng ký giá: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký giá đến Sở

Công Thương theo 1 trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp 02 hồ sơ kê khai giá tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính của Sở tại số 331 Cầu Giấy- Cầu Giấy- Hà Nội, nhận kết quả thủ tục hành chính tại bộ phận này.

- Gửi qua đường công văn 02 bộ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị), nhận kết quả qua đường công văn.

- Gửi qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản scan Biểu mẫu có chữ ký và dấu đỏ theo địa chỉ email: motcua_soct@hanoi.gov.vn hoặc qua fax: 04.62691288 và gọi điện thông báo cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu theo số điện thoại 04.22155546. Đồng thời, gửi 02 bản qua đường công văn cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu (kèm 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị) về địa chỉ Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy- Cầu Giấy- Hà Nội; nhận kết quả qua đường công văn.

c- Thành phần hồ sơ, số lượng:

** Thành phần hồ sơ bao gồm:*

- Văn bản đăng ký giá của tổ chức, cá nhân;
- Bảng đăng ký mức giá cụ thể gắn với chất lượng hàng hóa dịch vụ;
- Thuyết minh cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá.

** Nhận hồ sơ qua thư điện tử:*

- Gửi hồ sơ biểu mẫu qua thư điện tử gồm
 - + Văn bản đăng ký giá của tổ chức, cá nhân dạng file *.pdf
 - + Đính kèm hồ sơ liên quan dạng file *.pdf;
 - + Đính kèm hồ sơ liên quan dạng file *.doc (nếu có).
- Gửi hồ sơ bản giấy qua đường công văn.

** Số lượng hồ sơ: 02 bộ (Theo mẫu biểu đính kèm)*

d- Thời hạn giải quyết

Trả kết quả ngay sau khi nhận hồ sơ có đủ thành phần, số lượng theo quy định.

e- Đối tượng thực hiện TTHC

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội (ngoài các tổ chức, cá nhân

sản xuất, nhập khẩu sữa đã đăng ký giá với Bộ Công Thương)

f- Cơ quan thực hiện TTHC

Sở Công Thương

g- Lệ phí

Không

h- Kết quả của việc thực hiện TTHC

01 Biểu mẫu đăng ký giá đã được đóng dấu Công văn đến và ghi rõ ngày, tháng, năm nhận văn bản.

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Mẫu biểu mẫu đăng ký giá theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC

Thực hiện trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

l- Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012.

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Phụ lục số 1: BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014
của Bộ Tài chính)*

Tên đơn vị đăng ký giá **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/

... , ngày ... tháng ... năm

V/v: đăng ký giá

Kính gửi: *(Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)*

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

... *(tên đơn vị đăng ký)* gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.
2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... *(tên đơn vị đăng ký)* xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:

- Số điện thoại liên lạc:.....

- Số fax:

Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá

1. *(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)*

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá đăng ký mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

Tên đơn vị
thực hiện đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của Công ty.....)

Doanh nghiệp là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ).....

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):.....cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá đăng ký hiện hành	Mức giá đăng ký mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng nhập khẩu)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại; giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP
KHẨU CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng nhập khẩu			
B.	Giá vốn nhập khẩu			
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)			
2	Thuế nhập khẩu			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Các khoản thuế, phí khác (nếu có)			
5	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)			
C	Chi phí chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý			
D	Tổng chi phí			
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm			
E	Lợi nhuận dự kiến			
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định			
H.	Giá bán dự kiến			

**II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	<i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>				
b	<i>Chi phí vật liệu</i>				
c	<i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i>				
d	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>				
đ	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>				
e	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí tài chính				
	Tổng giá thành toàn bộ				
5	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
7	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

www.LuatVietnam.vn

3. Tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế thuộc các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

a- Trình tự thực hiện

- Đối tượng: Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội (trừ các tổ chức, cá nhân đã thực hiện kê khai giá với Bộ Công Thương) gửi 02 bộ hồ sơ về Sở Công Thương.

- Sở Công Thương tiếp nhận, kiểm tra thành phần, số lượng hồ sơ và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

- Sở Công Thương tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện để yêu cầu giải trình, báo cáo (nếu cần).

* Trường hợp nhận hồ sơ qua đường Công văn và thư điện tử nếu hồ sơ không đủ thành phần, số lượng: trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận Văn bản kê khai giá, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản (công văn, Fax hoặc thư điện tử) yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá nộp bổ sung thành phần, số lượng Văn bản. Tổ chức, cá nhân hoàn thiện và nộp lại cho Sở Công Thương tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở thông báo bằng văn bản (công văn, Fax hoặc thư điện tử) yêu cầu bổ sung.

b- Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ kê khai giá: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ kê khai giá đến Sở Công Thương theo 1 trong các cách sau:

- Gửi trực tiếp 02 hồ sơ kê khai giá tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính của Sở tại số 331 Cầu Giấy- Cầu Giấy- Hà Nội, nhận kết quả thủ tục hành chính tại bộ phận này.

- Gửi qua đường công văn 02 hồ sơ kê khai giá cho Sở Công Thương; Nhận kết quả qua đường công văn.

- Gửi qua thư điện tử kèm bản scan Văn bản kê khai giá có chữ ký và dấu theo địa chỉ thư điện tử: motcua_soc@hanoi.gov.vn hoặc qua fax: 04.62691288 và gọi điện thông báo cho cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu theo số điện thoại 04.22155546. Đồng thời, gửi 02 bản qua đường công văn cho cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá về địa chỉ Sở Công Thương Hà Nội, số 331 Cầu Giấy- Cầu Giấy- Hà Nội; Nhận kết quả qua đường công văn.

c- Thành phần Hồ sơ, số lượng

* Thành phần hồ sơ gồm:

- Văn bản kê khai giá của tổ chức, cá nhân
- Bảng kê khai giá cụ thể gắn với chất lượng hàng hóa dịch vụ.

* Nhận hồ sơ thư điện tử

- Đính kèm các hồ sơ tại mục a dạng file *.pdf
- Đính kèm các hồ sơ tại mục a dạng file *.doc (nếu có).
- Gửi hồ sơ bản giấy (như phần a) qua đường công văn.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ (Theo mẫu biểu đính kèm)

* Đối với trường hợp kê khai giảm giá so với lần kê khai trước đó:

Tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi Văn bản kê khai giá có đầy đủ số lượng và thành phần hồ sơ về Sở Công Thương.

d- Thời gian giải quyết

Trả kết quả ngay sau khi nhận hồ sơ có đủ thành phần, số lượng theo quy định.

e- Đối tượng thực hiện TTHC

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi có trụ sở chính trên địa bàn thành phố Hà Nội (trừ các tổ chức, cá nhân đã thực hiện kê khai giá với Bộ Công Thương).

f- Cơ quan thực hiện TTHC

Sở Công Thương

g- Kết quả của việc thực hiện TTHC

Trả 01 Văn bản kê khai giá đã được đóng dấu Công văn đến và ghi rõ ngày, tháng, năm nhận văn bản.

h- Lệ phí

Không

i- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Hồ sơ kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

k- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)

- Áp dụng đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi trong thời

gian Nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn đăng ký giá.

- Áp dụng đối với mặt hàng thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

I- Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012.

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

- Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Phụ lục số 4: MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)

**Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v kê khai giá hàng hóa,
dịch vụ bán trong nước
hoặc xuất khẩu

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá...)

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....
- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị
thực hiện kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Mức giá kê khai bán trong nước hoặc xuất khẩu (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại cửa kho/nhà máy, tại các địa bàn, khu vực khác (nếu có).

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

.....
.....
.....

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

- Mức giá kê khai xuất khẩu ghi cụ thể áp dụng cho thị trường nước xuất khẩu nào và tính theo tỷ giá mua vào.....VNĐ/USD tại Ngân hàng thương mại.....ngày...tháng...năm...